

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định,
phê duyệt quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 21/01/2005 về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật Luật Đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2371/SKHĐT-QH ngày 31/10/2011 về việc đề nghị ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

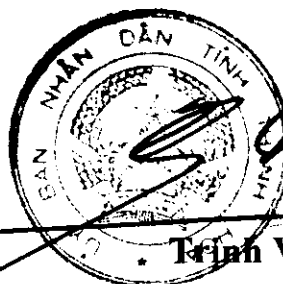
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH (02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến

QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt
quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1339/2012/QĐ-UBND
ngày 09/5/2012 của UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này cụ thể hoá về trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch, bao gồm: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng liên huyện, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, thị xã, thành phố, quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu); quy hoạch xây dựng (quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn) và quy hoạch sử dụng đất (cấp huyện và cấp xã) của tỉnh Thanh Hoá.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch quy định tại Khoản 1, Điều này.

Điều 2. Yêu cầu đối với việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

1. Tuân thủ các bước công việc, quy trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành khi thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành và đơn vị được uỷ quyền lập quy hoạch tiến hành trình tự thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo đúng thẩm quyền quy định.

Chương II

THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

Điều 3. Thẩm định đề cương quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

1. Hồ sơ trình thẩm định đề cương quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội:

Số lượng 2 bộ, thành phần hồ sơ gồm 3 loại sau:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Báo cáo Đề cương quy hoạch;

c) Các văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm: chủ trương lập quy hoạch, kế hoạch quy hoạch, các văn bản và ý kiến liên quan nếu có,...).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đề cương quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng liên huyện, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, thị xã, thành phố, quy hoạch phát triển ngành và sản phẩm chủ yếu) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Thời gian thẩm định đề cương quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 4. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng.

1. Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng:

Số lượng hồ sơ 02 bộ, thành phần hồ sơ gồm có 3 loại sau:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch (nội dung nhiệm vụ, bản vẽ theo quy định);

c) Các văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm: chủ trương lập quy hoạch, kế hoạch danh mục quy hoạch, văn bản lấy ý kiến nhân dân trong khu vực lập nhiệm vụ quy hoạch và các văn bản và ý kiến liên quan nếu có...).

2. Cơ quan thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng:

Sở Xây dựng thẩm định nhiệm vụ các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 5. Thẩm định đề cương quy hoạch sử dụng đất.

1. Hồ sơ trình thẩm định đề cương quy hoạch sử dụng đất:

Số lượng hồ sơ 2 bộ, thành phần hồ sơ gồm có 3 loại sau:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Báo cáo Đề cương quy hoạch;

c) Các văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm: chủ trương lập quy hoạch, kế hoạch danh mục quy hoạch, các văn bản và ý kiến liên quan nếu có,...).

2. Cơ quan thẩm định đề cương quy hoạch sử dụng đất:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức thẩm định đề cương quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; quy hoạch sử dụng đất của phường, thị trấn và xã thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định đề cương quy hoạch sử dụng đất của các xã không thuộc khu vực phát triển đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thời gian thẩm định đề cương quy hoạch sử dụng đất là 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương III
THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC
THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH

Điều 6. Thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

1. Hồ sơ thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Hồ sơ thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (vùng liên huyện, cấp huyện), quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu, số lượng 7 - 9 bộ; số lượng cụ thể theo số lượng thành viên Hội đồng thẩm định do cấp có thẩm quyền quyết định (riêng bản đồ 1 bộ), thành phần gồm 5 loại sau:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Báo cáo quy hoạch (kèm theo các bản đồ thu nhỏ, bảng biểu, phụ lục);

c) Báo cáo tóm tắt quy hoạch;

d) Bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch (nội dung theo đề cương được duyệt);

đ) Các văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm: đề cương quy hoạch, ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan,...).

2. Trình tự thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

a) Hội đồng Thẩm định cấp tỉnh tổ chức thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng Thẩm định đối với quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu cấp tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã

hội vùng, các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là huyện).

Thành viên Hội đồng có ít nhất là 7 người, gồm một đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh; đại diện lãnh đạo các Sở, ban, ngành có liên quan; đại diện các nhà khoa học và đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện, phòng, ban chuyên môn (đối với QH cấp huyện) hoặc có thể mời đại diện của một số Bộ, ngành Trung ương (đối với quy hoạch ngành, sản phẩm).

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện được giao nhiệm vụ lập quy hoạch đề xuất danh sách Hội đồng Thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất bằng văn bản trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Thư ký Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng Thẩm định gửi phiếu đánh giá kèm hồ sơ cho các thành viên, tổng hợp ý kiến thành viên trước khi tổ chức họp hội đồng, đầu mỗi thời gian, địa điểm họp, tổng hợp biên bản và lập báo cáo thẩm định, làm căn cứ để cơ quan lập quy hoạch hoàn chỉnh quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các quy hoạch có liên quan đến quốc phòng, an ninh phải có ý kiến tham gia của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh.

3. Thời gian thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội là 15 ngày làm việc, kể từ ngày Thư ký Hội đồng Thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 7. Thẩm định quy hoạch xây dựng.

1. Hồ sơ thẩm định quy hoạch xây dựng.

Số lượng hồ sơ 02 bộ (riêng thuyết minh quy hoạch theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, nhưng tối đa không quá 20 bản), thành phần hồ sơ gồm có 5 loại sau:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt quy hoạch kèm theo bản vẽ in màu A3;

c) Hồ sơ bản vẽ quy hoạch (theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ);

d) Dự thảo quy định quản lý;

e) Các phụ lục tính toán kèm theo và các văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm: nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành và các địa phương, cộng đồng dân cư liên quan,...).

2. Trình tự thẩm định quy hoạch xây dựng.

a) Cơ quan thẩm định:

Sở Xây dựng thẩm định các đề án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện thẩm định quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Hội đồng Thẩm định:

- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng Thẩm định đối với đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng Thẩm định đối với đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

- Cơ cấu của Hội đồng Thẩm định gồm các cơ quan chức năng quản lý nhà nước, chính quyền địa phương và các hội nghề nghiệp có liên quan.

Tùy theo tính chất, quy mô của từng đồ án, người có thẩm quyền quyết định tổ chức hoặc không tổ chức Hội đồng Thẩm định đối với từng quy hoạch. Đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền UBND tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Hội đồng Thẩm định các quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch phân khu các khu vực có ý nghĩa quan trọng.

3. Thời gian thẩm định quy hoạch xây dựng là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Thẩm định quy hoạch sử dụng đất.

1. Hồ sơ thẩm định quy hoạch sử dụng đất.

Số lượng hồ sơ 10 bộ, thành phần hồ sơ gồm có 4 loại sau:

a) Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;

c) Bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất;

d) Các văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm: nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan,...).

2. Trình tự thẩm định quy hoạch sử dụng đất.

a) Cơ quan thẩm định

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; quy hoạch sử dụng đất của phường, thị trấn và xã thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị.

Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất của các xã không thuộc khu vực phát triển đô thị.

b) Hội đồng Thẩm định

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức Hội đồng Thẩm

định các quy hoạch sử dụng đất ở tiết 1, Điểm a, Khoản 2, Điều này.

Thành phần, số lượng các thành viên Hội đồng Thẩm định do cơ quan chủ trì thẩm định quyết định. Cơ cấu của Hội đồng Thẩm định gồm đại diện cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn, hội nghề nghiệp, các chuyên gia và các nhà khoa học có liên quan.

3. Thời gian thẩm định quy hoạch sử dụng đất là 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương IV

THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ, THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH

Điều 9. Trình và phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

1. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Các cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm trình hồ sơ đề nghị phê duyệt lên Chủ tịch UBND tỉnh, gồm 2 loại sau:

a) Hồ sơ cơ quan lập quy hoạch trình phê duyệt, số lượng 2 bộ, gồm 6 thành phần sau:

- Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Báo cáo quy hoạch (kèm theo các bản đồ thu nhỏ, bảng biểu, phụ lục);
- Báo cáo tóm tắt quy hoạch;
- Bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý liên quan bao gồm: đề cương được duyệt, ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan;
- Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư về sự phù hợp về mục tiêu, công trình trọng điểm, tính đồng bộ đối với quy mô, tiến độ, bước đi, thứ tự ưu tiên và về khả năng đáp ứng nguồn lực cho quy hoạch.

b) Hồ sơ cơ quan thẩm định trình, số lượng 2 bộ, gồm 3 thành phần sau:

- Báo cáo thẩm định;
- Các văn bản về ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia phản biện;
- Dự thảo quyết định phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu cấp tỉnh; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng liên huyện, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện.

Điều 10. Trình và phê duyệt quy hoạch xây dựng.

1. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch xây dựng.

a) Hồ sơ cơ quan lập quy hoạch trình phê duyệt số lượng 2 bộ, gồm 7 loại:

- Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt quy hoạch kèm theo bản vẽ in màu A3;
- Hồ sơ bản vẽ quy hoạch (theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ);
- Dự thảo quyết định phê duyệt và quy định quản lý;
- Ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý xây dựng cấp trên;
- Các phụ lục và các văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm: nhiệm vụ được duyệt, ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành và các địa phương, văn bản tổng hợp hoặc biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư liên quan,...).

b) Hồ sơ cơ quan thẩm định trình, số lượng 2 bộ, gồm 3 loại sau:

- Báo cáo thẩm định;
- Các văn bản về ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia phản biện, thông báo kết luận hội nghị thẩm định, các văn bản khác có liên quan;
- Dự thảo quyết định phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch sau:

- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và các vùng khác trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh (vùng cảnh quan, vùng bảo tồn di sản,...).

- Quy hoạch chung xây dựng các đô thị loại II, III, IV và loại V; đô thị mới có quy mô dân số tương đương với đô thị loại IV, loại V và các khu chức năng khác ngoài đô thị (khu đô thị, khu du lịch, khu bảo tồn di sản, giáo dục đào tạo, y tế, công nghiệp địa phương,...) có quy mô lớn hơn 500 ha.

- Quy hoạch phân khu các khu chức năng của thành phố Thanh Hoá, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đối với các khu vực có phạm vi lập quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai đơn vị cấp huyện trở lên; các khu chức năng khác ngoài đô thị (khu đô thị, khu du lịch, khu bảo tồn di sản, giáo dục đào tạo, y tế, công nghiệp địa phương,...); các khu chức năng thuộc đô thị mới; các khu chức năng thuộc khu công nghệ cao, khu kinh tế đặc thù.

- Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với đô thị như: Khu vực trung tâm đô thị, khu đô thị mới, khu di tích lịch sử, danh thắng cấp quốc gia và các khu vực UBND tỉnh yêu cầu theo quy

hoạch chung xây dựng được duyệt.

b) Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã thuộc tỉnh phê duyệt:

Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi hành chính do mình quản lý trừ các quy hoạch xây dựng quy định tại Điểm a Khoản 2, Điều này.

c) Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt:

- Quy hoạch chi tiết thị trấn, quy hoạch chi tiết đối với các khu chức năng trừ những quy hoạch xây dựng được quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này; quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung; quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

- Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu dân cư, tái định cư,...thuộc các dự án do Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư (thủy điện, khai thác, chế biến khoáng sản,...); quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung.

Điều 11. Trình và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất.

1. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch sử dụng đất.

a) Hồ sơ cơ quan lập quy hoạch trình phê duyệt số lượng 3 bộ, gồm 5 loại:

- Tờ trình của cơ quan lập quy hoạch đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất (kèm theo bản đồ, sơ đồ thu nhỏ, bảng biểu, số liệu phân tích);
- Báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất;
- Bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất;
- Các văn bản pháp lý liên quan (bao gồm: đề cương được duyệt, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp lập quy hoạch, ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan,...).

b) Hồ sơ cơ quan thẩm định trình, số lượng 3 bộ, gồm 3 loại sau:

- Báo cáo thẩm định;
- Các văn bản (bản sao) về ý kiến tham gia thẩm định của các sở, ban, ngành, các địa phương liên quan, của các nhà khoa học và các chuyên gia phản biện; đối với quy hoạch sử dụng đất cấp xã không thuộc khu vực phát triển đô thị, bao gồm các văn bản của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, các nhà khoa học, các chuyên gia phản biện;
- Dự thảo quyết định phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sử dụng đất.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch sử dụng đất phường, thị trấn và các xã thuộc khu vực quy hoạch đô thị.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quy hoạch sử dụng đất các xã không thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị.

Chương V

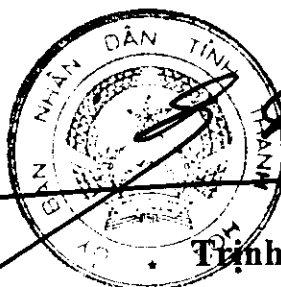
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm lập hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch theo Quy định này.

Điều 13. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường và các ngành có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến